

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2018

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân T** ;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn U** - Thành viên Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ và trẻ em huyện A.

2. Bà **Nguyễn Thị Tuyết D** - Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện A.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn G** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2017/QĐST- HNGĐ ngày 28/12/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Kim P** , sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp Tân T , xã Tân Th , huyện A, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Phúc C** , sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp Tân T, xã Tân Ph , huyện A, tỉnh B.

(Chị P, anh C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Bùi Thị Kim P** trình bày:**

Chị và anh **Nguyễn Phúc C** tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Tân Ph, huyện A, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2014. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến khi chị về nhà mẹ tại xã Tân Th chuẩn bị sinh con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên đi nhậu, không chăm lo cuộc sống gia đình. Sau khi chị sinh con được 04 tháng thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, chị đã nhiều lần bỏ về sống chung với mẹ ruột và

gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C vẫn không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích xây dựng cuộc sống hạnh phúc không đạt được nên chị Ph yêu cầu ly hôn với anh C .

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Ái T1, sinh ngày 25/12/2015, hiện đang sống cùng chị. Chị P yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T1 và yêu cầu anh C cấp dưỡng mỗi tháng 600.000 đồng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi lao động được.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh của Nguyễn Phúc Ái T1; đơn xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng; bản photocopy sổ hộ khẩu hộ Bùi Văn Ch; photo giấy chứng minh nhân dân của Bùi Thị Kim Phụng và Nguyễn Phúc Cường và tài liệu chứng minh thu nhập cá nhân.

**** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Phúc C trình bày:***

Anh thống nhất với phần trình bày của chị P về thời gian kết hôn và con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, vợ chồng có thể hàn gắn được. Do đó, anh không đồng ý ly hôn với chị P. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu T1, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị P nuôi con thì anh đồng ý cấp dưỡng theo mức mà chị P yêu cầu.

- Về tài sản chung: Anh và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Tài liệu chứng minh thu nhập cá nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua lời trình bày của các bên đương sự, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp đã thể hiện: Chị Bùi Thị Kim P và anh Nguyễn Phúc C tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Tân Ph, huyện A, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70/2014 ngày 06/10/2014; vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Ái T1, sinh ngày 25/12/2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phụng, nhận thấy:

[1] Theo chị P, quá trình chung sống vợ chồng giữa hai người có nhiều bất đồng về quan điểm sống, anh C không có trách nhiệm với gia đình nên phát sinh mâu thuẫn. Chị đã nhiều lần tạo điều kiện nhưng anh C vẫn không khắc phục sửa chữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C . Anh C thừa nhận, từ sau khi chị Phụng sinh con thì tình cảm vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn, có thể hàn gắn được nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét các bên thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã nhiều lần được gia đình các bên hòa giải hàn gắn và chị P đã tạo điều kiện cho anh C khắc phục sửa chữa nhưng không có kết quả, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế, yêu cầu của chị P xin được ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với các qui định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Chị P, anh C thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Ái T1, sinh ngày 25/12/2015, từ anh chị sống ly thân cho đến nay chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 sau khi ly hôn. Tại phiên tòa, chị P có ý kiến thay đổi mức cấp dưỡng, yêu cầu anh C cấp dưỡng 600.000 đồng mỗi tháng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi lao động được. Anh C có nguyện vọng được nuôi cháu T1, không yêu cầu chị P cấp dưỡng và trong trường hợp Tòa án chấp nhận giao cháu Thy cho chị P nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu chị Phụng.

Xét các bên thừa nhận từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu T1 do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cho cháu T1 có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường về tâm sinh lý, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu T1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, anh C có nhiệm vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 600.000 đồng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, lao động được.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị P, anh C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim P .

1. *Về tình cảm:* Cho chị Bùi Thị Kim P được ly hôn với anh Nguyễn Phúc C.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Bùi Thị Kim P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Phúc Ái T1, sinh ngày 25/12/2015.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Buộc anh Nguyễn Phúc C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phúc Ái T1, sinh ngày 25/12/2015 số tiền 600.000

đồng (sáu trăm nghìn đồng)/tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi lao động được.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48638 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, nên coi như chị P đã thi hành xong phần án phí.

Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị P, anh C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Ph, huyện A;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân T